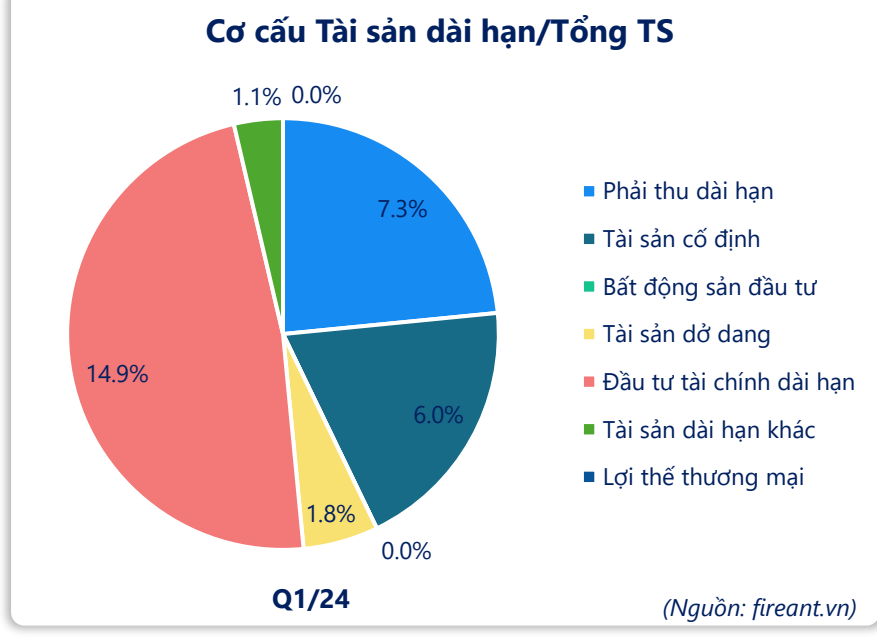
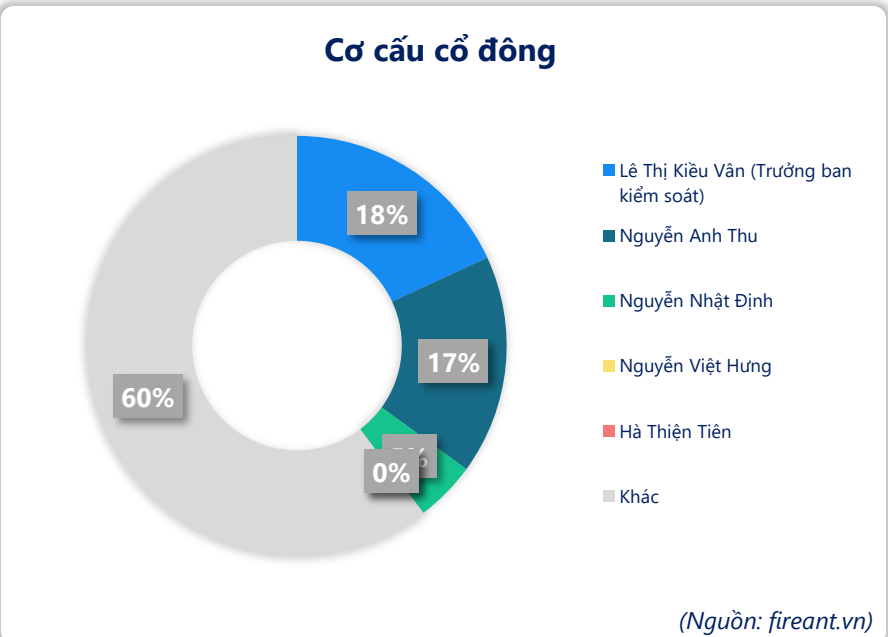
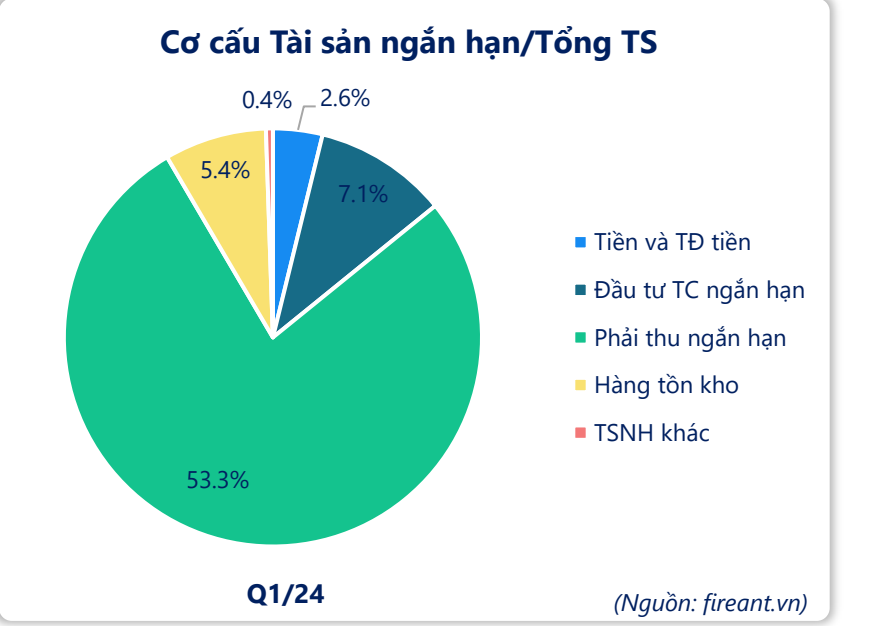
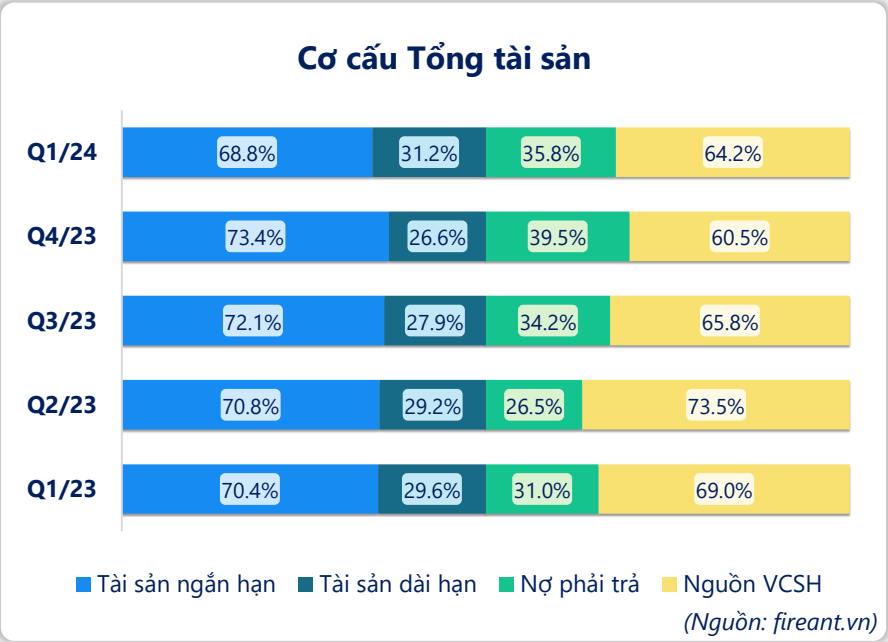
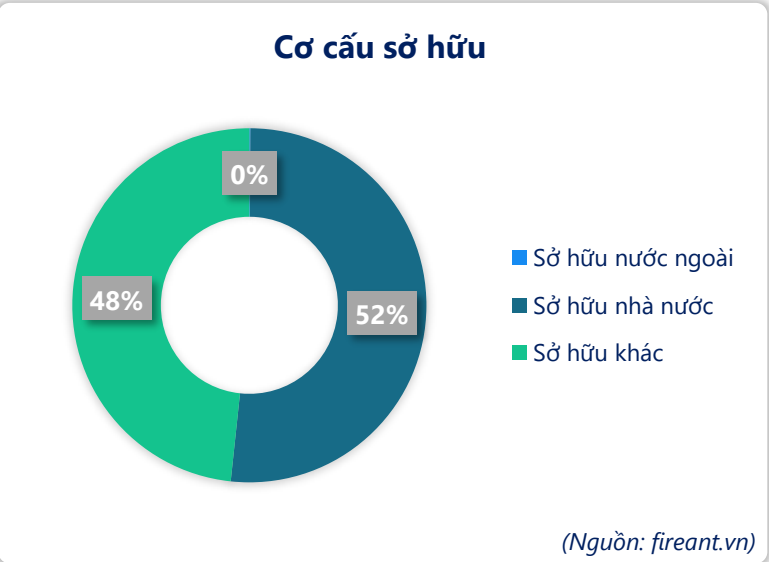
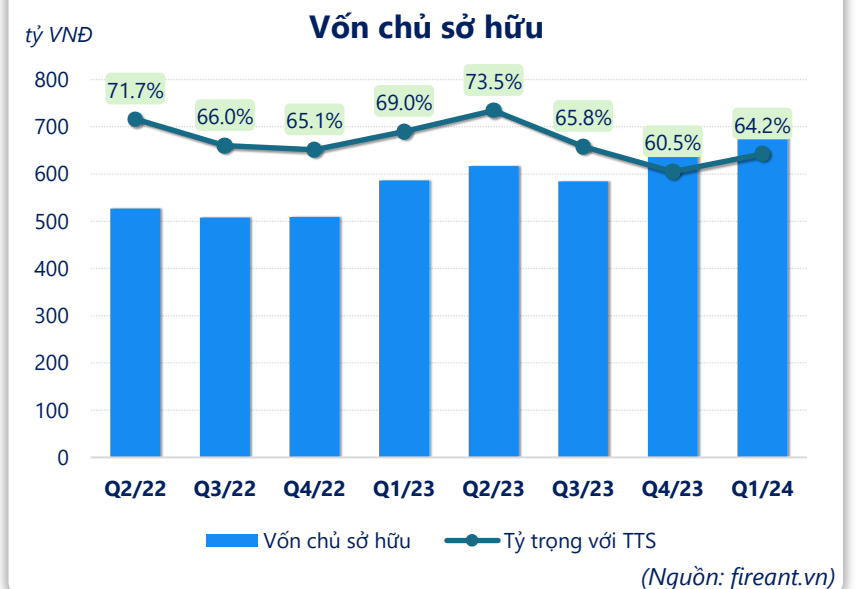
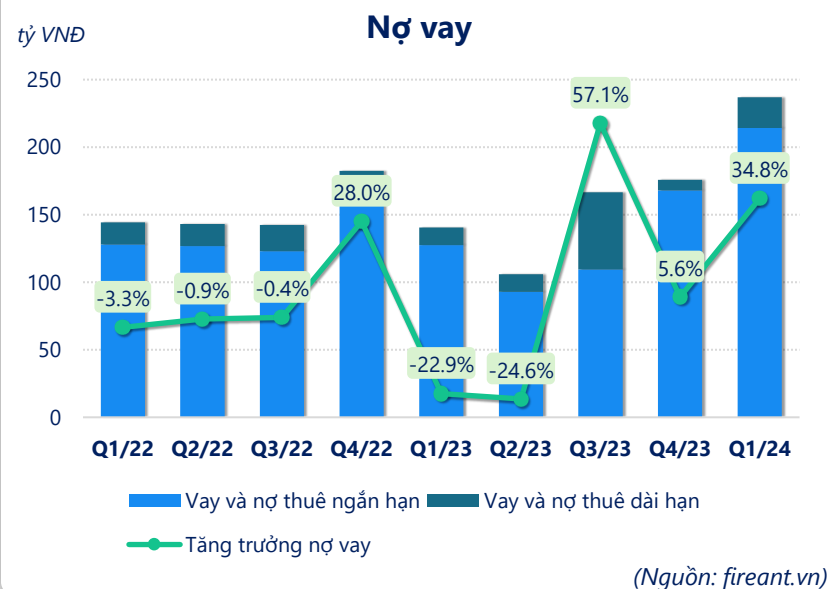
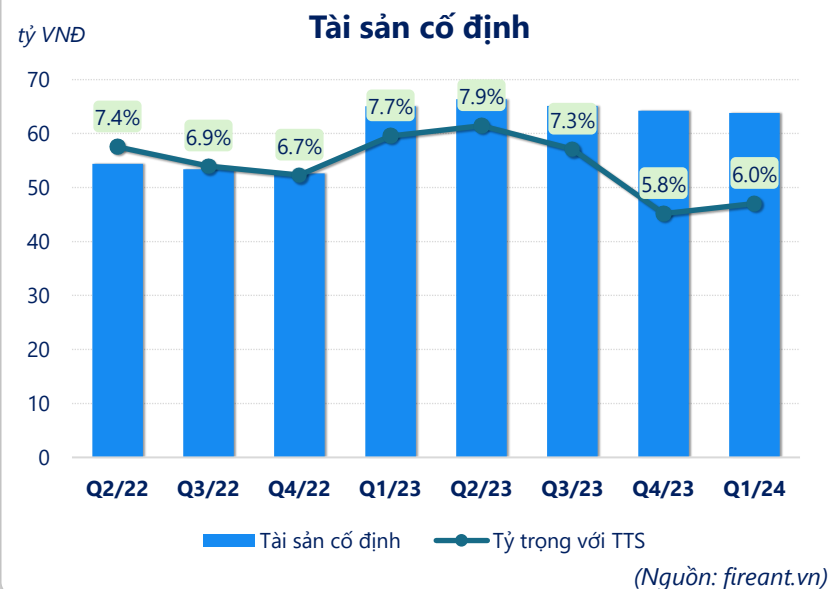
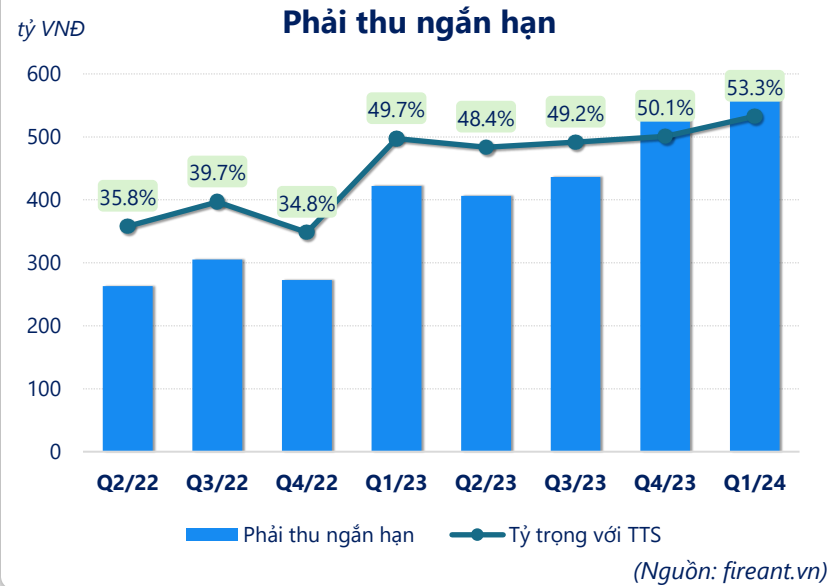
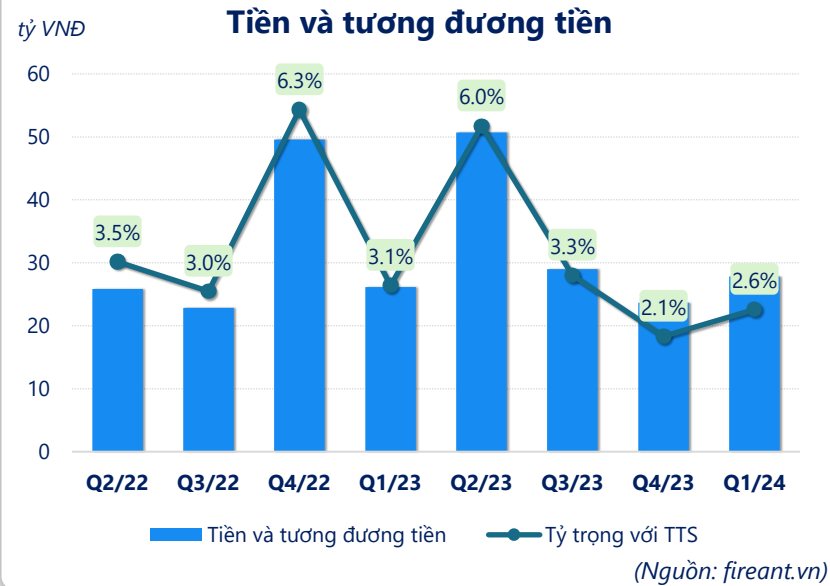
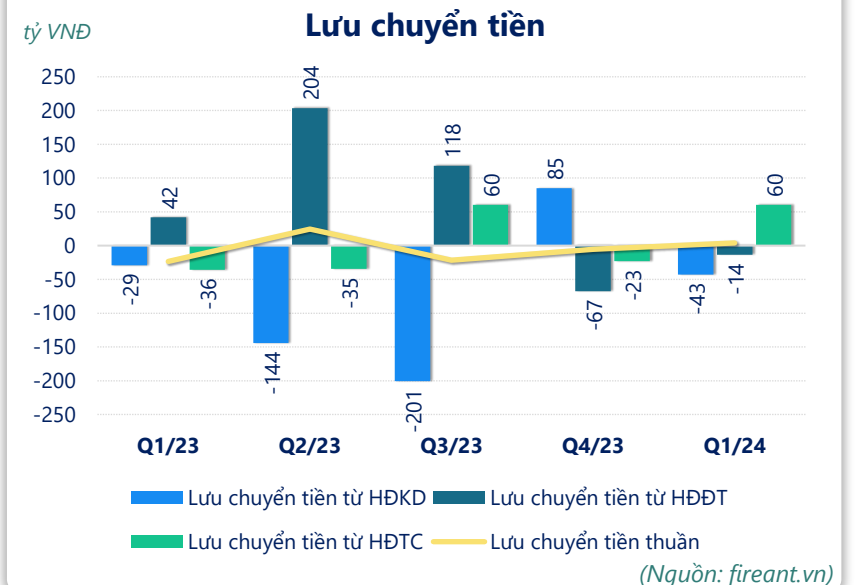
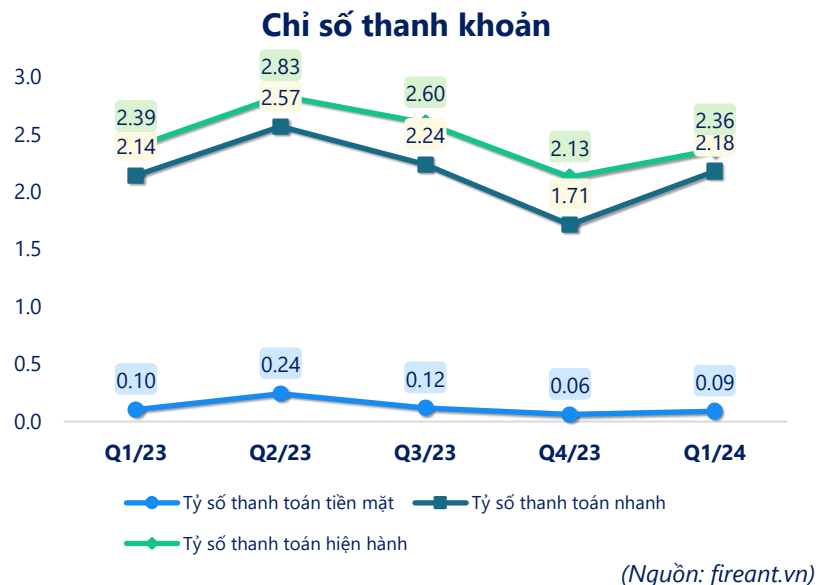
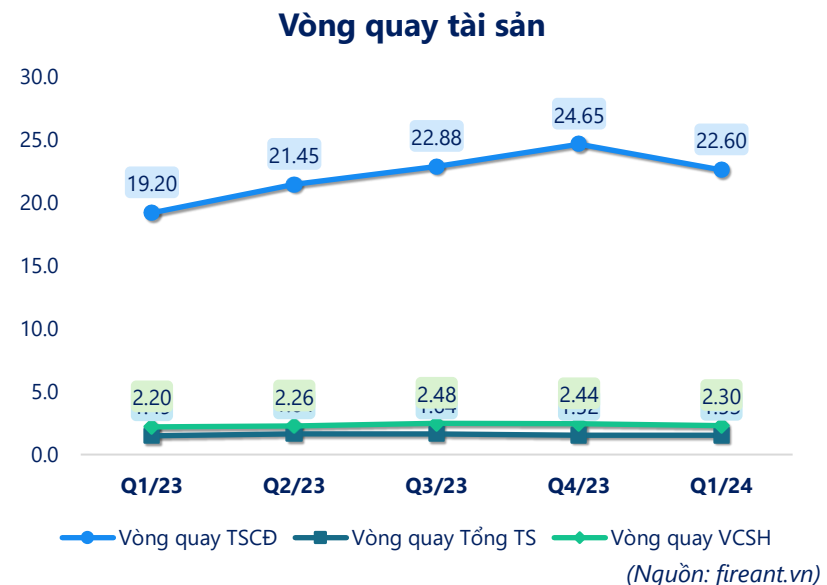
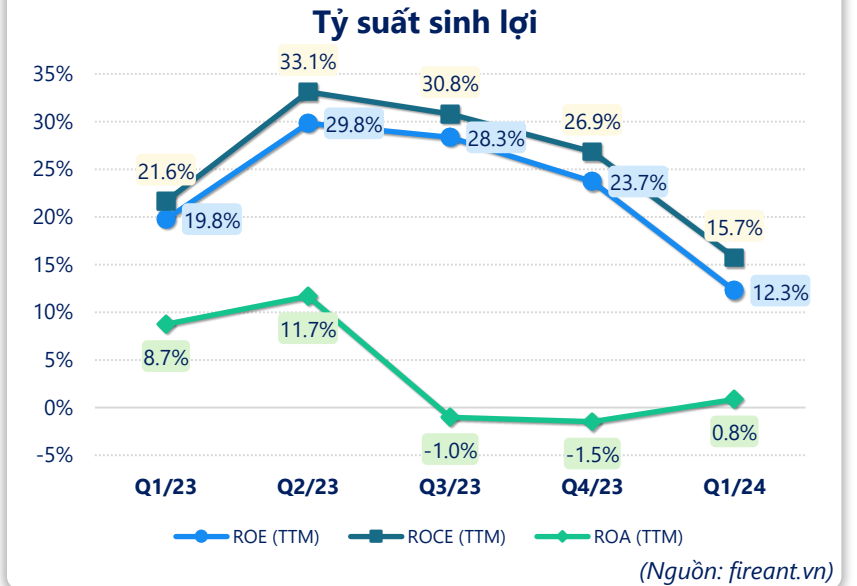
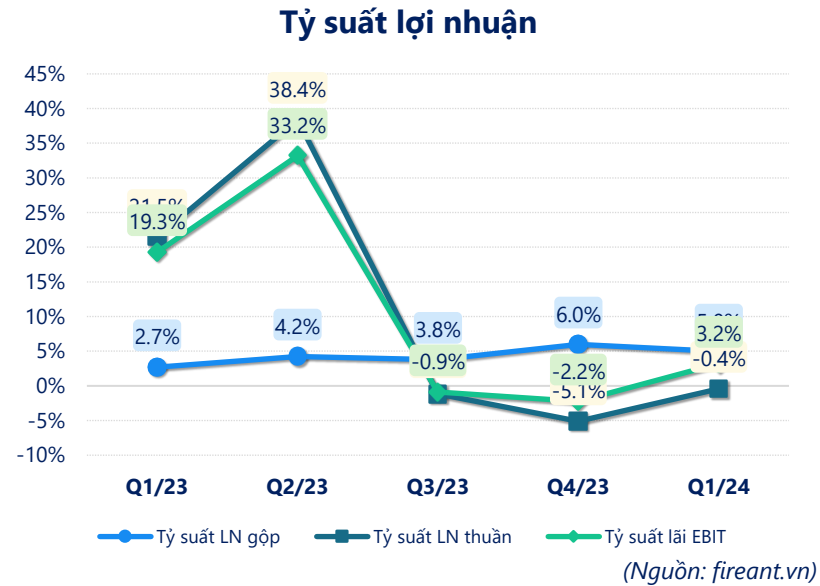
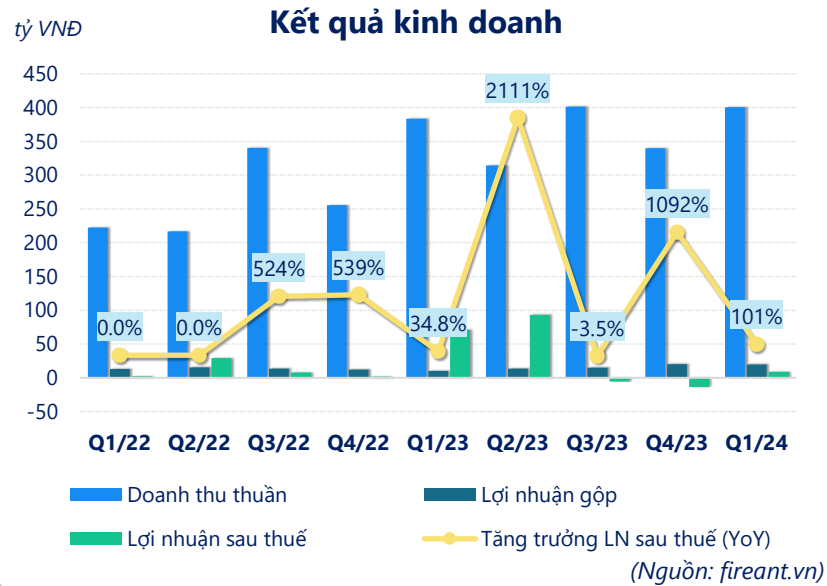


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		14,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,381
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,200
SL cổ phiếu LH		38,638,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)		30,215
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		568
P/E		7.3
EPS		2,006

	YTD	1T	3T	6T
PVM	10.5%	3.5%	14.8%	14.0%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,055	1,106	-4.6%
Tài sản ngắn hạn	726	812	-10.6%
Tiền và tương đương tiền	27.8	23.6	17.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	75.0	79.6	-5.8%
Phải thu ngắn hạn	562	535	4.9%
Hàng tồn kho	57.4	159	-63.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.89	15.0	-74.1%
Tài sản dài hạn	329	294	11.9%
Phải thu dài hạn	77.1	57.7	33.6%
Tài sản cố định	63.8	64.3	-0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.5	16.7	10.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	157	142	10.5%
Tài sản dài hạn khác	12.0	12.6	-4.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	377	437	-13.7%
Nợ ngắn hạn	307	382	-19.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	214	168	27.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.8	108	-55.8%
Nợ dài hạn	70.0	55.0	27.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	22.8	7.78	193%
Nguồn vốn chủ sở hữu	678	669	1.3%
Vốn chủ sở hữu	678	669	1.3%
Vốn điều lệ	386	386	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	384	314	402	340	401
Giá vốn hàng bán	373	301	387	319	381
Lợi nhuận gộp	10.4	13.4	15.2	20.3	19.9
Doanh thu HĐTC	138	160	56.5	2.52	2.20
Chi phí TC	4.74	17.9	0.96	4.01	3.51
Chi phí lãi vay	2.84	3.36	1.57	2.21	3.51
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.0	13.0	17.8	22.6	13.2
Chi phí QLDN	50.6	22.2	57.7	13.5	7.02
LN thuần từ HĐKD	82.4	121	-4.75	-17.3	-1.62
Lợi nhuận khác	-11.2	-19.7	-0.46	7.51	10.9
LN trước thuế	71.2	101	-5.22	-9.81	9.30
Lợi nhuận sau thuế	70.9	93.2	-5.56	-13.4	8.63
LNST của CĐ cty mẹ	70.2	91.9	-8.37	-14.0	8.01

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-29.4	-144	-201	85.1	-42.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	42.0	204	118	-67.4	-13.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-36.0	-34.5	60.5	-23.2	60.5
Tiền đầu kỳ	49.6	26.2	50.7	29.0	23.6
Lưu chuyển tiền thuần	-23.4	24.5	-21.7	-5.38	4.16
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.00	-0.01	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	26.2	50.7	29.0	23.6	27.8

(Nguồn: fireant.vn)